

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/V Yêu cầu chia tài sản chung để thi hành án**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HÓA**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Phạm Xuân Thành

*Thư ký phiên họp:* Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên họp:* Bà Lê Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 26/2024/TLST-DS ngày 15/4/2024 về việc “Yêu cầu phân chia tài sản chung để thi hành án”, theo quyết định mở phiên họp số 02/2024/QĐST- DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST - DS ngày 31 tháng 5 năm 2024; gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Phạm Đăng H- sinh năm: 1992. HKTT: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh HóaNơi ở hiện nay: Khu phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị N năm 1969 và ông Đoàn Văn H1- Sinh năm 1966, cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên họp có mặt người yêu cầu anh Phạm Đăng H, vắng mặt bà Lê Thị Nông Đoàn Văn H2, bà Lê Thị N1 có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp, ông Đoàn Văn H3 mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ**

*Tại đơn yêu cầu, quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp giải quyết việc dân sự người yêu cầu anh Phạm Đăng H4 bày:* Ngày 20/11/2023, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2023/QĐDS-ST ngày 20/11/2023 giữa anh Phạm Đăng H5 bà Lê Thị N2 bà N3 nghĩa vụ trả cho anh H6 tiền nợ là 433.500.000đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Anh H7 đơn yêu cầu thi hành án quyết định của tòa án nhưng bà N4 tự nguyện thi hành án. Quá trình làm việc, thi hành án xác minh bà N5 có tài sản chung với chồng là ông Đoàn Văn H8 tại thôn M, xã N, huyện N,

tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, bà **N6** ông **H1** không tự nguyện xác định, phân chia tài sản chung để bà **N7** hiện thi hành án theo quy định của pháp luật. Sau khi xác minh, Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc ra thông báo số 52/TB-THADS ngày 16/2/2024 để thông báo cho anh **H9** những tài sản chung của bà **N6** ông **H2** Anh yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đất và tài sản trên đất bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 99, tờ bản đồ số 23 do **UBND huyện N** ngày 03/7/2023 mang tên **Đoàn V H1** Lê Thị N và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 616 tờ bản đồ số 23 do **UBND huyện N** ngày 16/5/2018 mang tên **Đoàn V H1** Lê Thị N. Đề nghị Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đất và tài sản trên đất của bà **Lê Thị N1** trong khối tài sản chung với ông **Đoàn Văn H2**

Mục đích yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản chung của người phải thi hành án, để thi hành Quyết định thi hành án số 47/QĐ-CCTHA ngày 11/12/2023 và quyết định thi hành án số 100/QĐ-CCTHA ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tại quyết định số: 27/2023/QĐDS-ST ngày 20/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên họp người yêu cầu anh **Phạm Đăng H10** thừa nhận anh được trực tiếp tham gia buổi xem xét thẩm định do Tòa án tiến hành, các thông tin và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ được cung cấp bởi chuyên viên Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai huyện N** thẩm định hội đồng thẩm định đã thống nhất toàn bộ nội dung, các thành phần tham gia đều được nghe và thống nhất, tại phiên họp anh có ý kiến về diện tích theo hiện trạng là 712,6m<sup>2</sup> nhiều hơn so với diện tích đất được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **H1** và bà **N8** với diện tích đất tăng thêm này anh không có ý kiến gì đề nghị Tòa án căn cứ vào diện tích đất thực tế được Nhà nước cấp cho ông **H1** và bà **N9** giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Lê Thị N1** trình bày:* Bà có thỏa thuận trả cho anh **Phạm Đăng H11** tiền nợ là 433.500.000đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2023/QĐDS-ST ngày 20/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa Tuy nhiên, do bản thân không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị để thi hành án số tiền trên với anh **H**, bà có thống nhất thỏa thuận với Cơ quan thi hành án dân sự huyện N cho bà trả dần số tiền trên, nhưng anh **H12** cầu bà phải trả toàn bộ số tiền trên thì bà không có để trả ngay cho anh **H13**. Việc anh **H12** cầu xác định tài sản chung của vợ chồng bà thì bà không có ý kiến gì. Hiện tại bà xác định tài sản chung của bà với ông **Đoàn Văn H14** còn quyền sử dụng đất, thửa đất số 616 tờ bản đồ số 23 do UBND huyện N cấp ngày 16/5/2018, đối với quyền sử dụng đất, thửa đất số 99, tờ bản đồ số 23 do **UBND huyện N** ngày 03/7/2023 bà và chồng bà đã thực hiện việc chuyển nhượng cho anh **Nguyễn Hữu V1** chị **Trương Thị T** tại anh **V1** chị **T1** được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền nợ trên giữa bà và anh **H15** liên quan đến chồng bà ông **Đoàn Văn H16** các con của bà nên ông **H2** không có ý kiến gì đối với vụ việc. Quá trình Tòa án giải quyết

việc dân sự xác định quyền sở hữu tài sản chung để thi hành án bản thân bà hoàn toàn thống nhất không chống đối, đề nghị Tòa án về kiểm tra thực tế để xác định phần tài sản của bà và ông H2, mọi vấn đề khác bà không có ý kiến gì, bà đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

*Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên họp:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến khi Tòa án mở phiên họp giải quyết việc dân sự là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên họp được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ việc Viện kiểm sát đã có công văn số 15/YC-VKS-VDS ngày 30/5/2024 để yêu cầu Tòa án xác minh thu thập tài liệu chứng cứ. Tại phiên họp hôm nay do Tòa án chưa thực hiện như nội dung yêu cầu của Viện Kiểm sát đã đề nghị, nên Viện kiểm sát đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên họp để tiến hành xác minh nội dung như Viện kiểm sát đã yêu cầu.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng của Tòa án: anh Phạm Đăng H17 người được thi hành án, yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng với tài sản của người phải thi hành án bà Lê Thị N1 để thực hiện nghĩa vụ thi hành án, Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm n khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết: Trong đơn yêu cầu anh Phạm Đăng H yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng với tài sản của người phải thi hành án để xác định phần Quyền sở hữu, sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 99 tờ bản đồ số 23 do UBND huyện N ngày 03/7/2023 mang tên Đoàn V H1Lê Thị N và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 616 tờ bản đồ số 23 do UBND huyện N ngày 16/5/2018 mang tên Đoàn V H1Lê Thị N. Tòa án thụ lý giải quyết đồng thời Tòa án phải tiến hành xem xét thẩm định tài sản, nên thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu được kéo dài là phù hợp với quy định tại Điều 366 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu giải quyết: Căn cứ kết quả xem xét thẩm định, biên bản xác minh do đương sự cung cấp, do các cơ quan có thẩm quyền cung cấp và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định được thì: Diện tích đất và tài sản trên đất mà anh Phạm Đăng H yêu cầu phân chia là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 99 tờ bản đồ số 23 do UBND huyện N ngày 03/7/2023 mang tên Đoàn V H1Lê Thị N và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

với đất, thửa đất số 616 tờ bản đồ số 23 do UBND huyện N ngày 16/5/2018 mang tên Đoàn V H1 Lê Thị N có nguồn gốc là của ông Đoàn Văn H1 và Lê Thị N10.

[3.1] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2024 do Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc tiến hành xác định, hiện tại ông H1 và bà N, chỉ còn lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 616 tờ bản đồ số 23 do UBND huyện N ngày 16/5/2018, còn đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 99 tờ bản đồ số 23 do UBND huyện N ngày 03/7/2023 bà N6 ông H1 đã chuyển nhượng cho người khác và được được nhà Nước cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu. Do đó yêu cầu của ông Phạm Đăng H18 chấp nhận một phần, xác định tài sản yêu cầu để phân chia thực hiện nghĩa vụ thi hành án của bà Lê Thị N10 còn lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa số 616 tờ bản đồ số 23 do UBND huyện N ngày 16/5/2018, do đó hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ quyết định chỉ xem xét thẩm định quyền sử dụng đất trên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2024 thể hiện; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 99 tờ bản đồ số 23 do UBND huyện N ngày 03/7/2023 bà N6 ông H1 đã chuyển nhượng cho người khác và được được nhà Nước cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, qua xác nhận thông tin và tài liệu chứng cứ do chuyên viên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ xác định Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 99 tờ bản đồ số 23 do UBND huyện N ngày 03/7/2023 bà N6 ông H1 đã được chuyển nhượng cho ông V1 và bà T2 không xem xét thẩm định đối với diện tích đất trên. Cũng theo xác định của hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và sự thống nhất của các đương sự tại buổi thẩm định, tài sản chung xác định để phân chia của bà Lê Thị N11 ông Đoàn Văn H19 tại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 616 tờ bản đồ số 23 địa chỉ thửa đất tại thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa có tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 588,6m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn, các cạnh giáp ranh cụ thể có sơ đồ kèm theo. Xác định tài sản trên đất có nhà cấp 4 diện tích là 37m<sup>2</sup> và các cây ăn quả kèm theo.

[3.3] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2024, kết quả đo thực tế thửa đất số 616 tờ bản đồ số 23 địa chỉ thửa đất tại thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa có tổng diện tích được xác định theo hiện trạng là 712,6m<sup>2</sup>, diện tích đất theo hiện trạng được xác định là nhiều hơn so với diện tích đất được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 và bà N, diện tích đất trên tăng là do có biến động, hiện tại không có tranh chấp nên không xác định được quyền sở hữu, do đó Tòa án căn cứ vào diện tích đất thực tế được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 và bà N12 cơ sở xác định phân chia tài sản chung để thi hành án. Đối với diện tích đất theo đo vẽ hiện trạng vượt quá so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Tòa án không xem xét giải quyết, việc xác định quyền sở hữu đối với diện tích đất vượt quá như trên do cơ quan có thẩm quyền quản lý xác định khi có yêu cầu.

[3.4] Từ những phân tích như trên, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc thì có đủ căn cứ để xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản, của người phải thi hành án là bà **Lê Thị N10**. Vì vậy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của anh **Phạm Đăng H20**

[4] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc có ý kiến, đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên họp để Tòa án tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ như yêu cầu tại công văn số 15/YC-VKS-VDS ngày 30/5/2024. Đối với yêu cầu của đại diện Viện kiểm sát Tòa án nhận định như sau: Tại phiên họp Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc yêu cầu tạm ngừng phiên họp mà không đưa ra căn cứ, điều luật quy định của pháp luật để chứng minh cho yêu cầu của mình. Theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự phần giải quyết việc dân sự không có quy định về việc tạm ngừng phiên họp. Đối với nội dung yêu cầu tại công văn số 15/YC -VKS-VDS ngày 30/5/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, Tòa án đã có văn bản trả lời tại Công văn số 260 CV/TANL ngày 31/5/2024, tại phiên họp người tham gia phiên họp đều thống nhất thừa nhận nội dung như biên bản thẩm định, thông tin và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ là hoàn toàn đúng và đề nghị Tòa án tiếp tục phiên họp giải quyết việc dân sự theo quy định. Xét thấy yêu cầu của Viện kiểm sát không phải là căn cứ để tạm ngừng phiên họp, do đó phiên họp giải quyết việc dân sự vẫn được tiếp tục theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự phải chịu lệ phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 27; khoản 1 Điều 35; điểm n khoản 1 Điều 39; Điều 366; Điều 369 và Điều 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 28; Điều 33; Điều 34; Điều 37 và Điều 45 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 74 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Phạm Đăng H là người yêu cầu về việc yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản của người phải thi hành án là quyền sử dụng đất, tài sản trên đất mang tên người sử dụng bà **Lê Thị N10** và ông **Đoàn Văn H2**, tại thửa đất số 616 tờ bản đồ số 23 địa chỉ thửa đất tại thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa có tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 588,6m<sup>2</sup>.

Xác định bà **Lê Thị N10** được quyền sở hữu 1/2 diện tích đất hiện tại bà **Lê Thị N11** ông **Đoàn Văn H21** sử dụng, trong tổng diện tích 588,6m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 1/2 tài sản trên đất, bao gồm nhà cấp 4 diện tích 37m<sup>2</sup>, cây cối trên đất tại thửa đất số 616, tờ bản đồ số 23 địa chỉ thửa đất tại thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà **Lê Thị N11** ông

**Đoàn Văn H2.** Đối với diện tích đất theo hiện trạng vượt quá so với giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nói trên, Tòa án không xem xét, việc giải quyết thuộc về cơ quan có thẩm quyền quản lý xác định khi có yêu cầu.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Phạm Đăng H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số: 0004248 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Phạm Xuân Thành**